

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/DS-ST

Ngày: 10-8-2017

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 393/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2016, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 07 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K

Địa chỉ: Số N đường PHT, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn C – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Viết T (Theo Giấy ủy quyền số 1374/UQ-NHKL ngày 29/9/2017 và Giấy ủy quyền số 131/UQ-NHKL-VT ngày 11/10/2016. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: số đường Đ, phường L, thành phố H; Địa chỉ: số đường H, phường 7, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1987 và bà Nguyễn Yến P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số N, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2016, quá trình tố tụng tại Tòa, đại diện nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần K trình bày:

Ngày 12/6/2012, Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng K) chi nhánh Vũng Tàu cho bà Trần Thị H vay 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 023/HĐTD, thời hạn vay 36 tháng giải ngân ngày 20/06/2012 đến hạn ngày 20/06/2015, mục đích vay xây nhà; lãi suất 1,65%/tháng và điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi tiền vay trả hàng tháng; thanh toán vốn vay trả làm 03 kỳ (12 tháng một kỳ) kỳ 1 và kỳ 2 trả mỗi kỳ 250.000.000 đồng và kỳ thứ 3 trả 200.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay bà H đã ký với Ngân hàng K hợp đồng thế chấp tài sản số 007/HĐTC ngày 12/06/2012. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Trần Thị H đã được UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 05/05/2011 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ677078. Cụ thể là toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã P, huyện X tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Kể từ ngày Ngân hàng K giải ngân số tiền vay, bà H không thanh toán tiền cho ngân hàng theo đúng như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 26/5/2017 là 1.665.140.183 đồng; Trong đó: nợ gốc 700.000.000 đồng, lãi trong hạn 289.683.333 đồng; lãi quá hạn 418.072.500 đồng, phạt chậm trả 257.348.350 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi bà H thanh toán xong khoản nợ trên cho ngân hàng K. Trường hợp bà H không trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 007/HĐTC ngày 12/06/2012 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng K rút yêu cầu về việc tính lãi phạt chậm trả đến ngày 10/8/2017 là: 358.447.833 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2017 là: 761.013.333đ trong đó nợ lãi trong hạn: 171.058.333 đồng, nợ lãi quá hạn: 589.955.000 đồng và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 11/8/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà Trần Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu cho phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt làm việc tại Tòa, không có ý kiến phản hồi.

Tại biên bản lời khai ngày 11/04/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T, bà P trình bày như sau: Ông, bà là người đang ở nhờ trên diện tích đất mà bà H đã thế chấp cho Ngân hàng K. Đối với khoản vay của bà H tại Ngân hàng, ông T và bà P không liên quan. Trường hợp Tòa án giải quyết tuyên Ngân hàng

được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của bà H để Ngân hàng K thu hồi nợ thì ông T, bà P đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP K khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được thực hiện tại thành phố Vũng Tàu, căn cứ vào quy định tại Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm g, khoản 1 Điều 40; điểm e Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không không có lý do, ông Huỳnh Quốc T và bà Nguyễn Yến P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T, bà P.

[2] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần K cầu bà Trần Thị H trả tiền nợ gốc 700.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2017 là: 761.013.333 đồng trong đó nợ lãi trong hạn: 171.058.333 đồng, nợ lãi quá hạn: 589.955.000đồng và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 11/8/2017 cho đến khi trả xong nợ.

[2.1] Xét tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thì thấy:

- Về tài liệu nguyên đơn cung cấp: Tại hợp đồng tín dụng số 023/HĐTD ngày 12/6/2012, bà Trần Thị H vay của Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 700.000.000đồng. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP K rút lại yêu cầu về việc tính lãi phạt bằng 0.1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng. Như vậy, hợp đồng này được lập thành văn bản, mục đích và nội dung thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm

của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực theo quy định tại Điều 122 và Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2005.

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 007/HĐTC ngày 12/06/2012, với tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Trần Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BDD677078 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 05/05/2011, cụ thể là diện tích 1085,8m² thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trước khi ký hợp đồng, các bên đã tiến hành các thủ tục xác nhận, thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Hợp đồng tín thế chấp được lập thành văn bản, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2017; Phiếu yêu cầu xác minh tình trạng cư trú của bà Hạnh của Tòa án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Trần Thị H đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 06/7/2017 nhưng bà H vắng mặt. Do đó, xác định những tài liệu trên là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

- Đối với yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc 700.000.000đ: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng K và bà Trần Thị H, Khế ước nhận nợ ngày 20/6/2012 của bà H thì tổng số tiền gốc 700.000.000 đồng, đến thời điểm này bà H vẫn chưa trả tiền nợ gốc. Do đó, Ngân hàng K yêu cầu bà H trả đủ 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) nợ gốc là có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2017: Nội dung các Hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận về mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, trong đó: lãi suất trong hạn 1,65%/tháng và điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào các Bảng tính lãi ngày 10/8/2017 thì lãi trong hạn từ ngày 20/6/2012 đến ngày 20/6/2013 là: 19.8%/năm; lãi trong hạn từ ngày 20/6/2013 đến nay là 15.6%, bà H đã trả lãi từ ngày 20/6/2012 đến ngày 26/12/2012 theo mức lãi suất 19,8%/năm, tiền lãi đã trả là 70.455.000đ. Tổng số tiền lãi phát sinh từ ngày 26/12/2012 tính đến ngày 10/8/2017 là 761.013.333đ trong đó nợ lãi trong hạn: 171.058.333đ (một trăm bảy mươi một triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn: 589.955.000đ (năm trăm tám mươi chín

triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà H trả số tiền này là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bà H phải trả khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 10/8/2017 đến khi thanh toán hết nợ gốc: Yêu cầu này của Ngân hàng K là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND TC thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao, bà Hạnh phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 10/8/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu về việc bà H phải trả tiền chậm trả lãi là 358.906.368đ. Việc rút yêu cầu này của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu bà Hạnh phải trả tiền lãi chậm trả là 358.906.368đ của Ngân hàng TMCP K theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Hợp đồng thế chấp số 007/HĐTC ngày 12/06/2012 có giá trị pháp lý. Tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà H và được đăng ký giao dịch bảo đảm cho khoản vay của bà H tại Ngân hàng, nội dung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp các bên đã thỏa thuận, trong trường hợp bà H không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định đối với tài sản thế chấp. Do đó, trường hợp bà H không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp đã được Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận toàn bộ nên bà Trần Thị H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán là 55.830.340đ (năm mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi ngàn, ba trăm bốn mươi đồng) theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Hoàn lại 30.976.562đ (ba mươi triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001207 ngày 01/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 95, Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 122, Điều 124, Điều 343 và Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005; Án lệ số 08/2016/AL; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần K:

- Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc bà Trần Thị H trả tiền chậm trả lãi là 358.906.368đ (ba trăm năm mươi tám triệu, chín trăm lẻ sáu ngàn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

- Bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền nợ gốc 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2017 là: 761.013.333đ trong đó nợ lãi trong hạn: 171.058.333đồng (một trăm bảy mươi một triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn: 589.955.000đ (năm trăm tám mươi chín triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng) và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng từ ngày 11/8/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bà Trần Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp của bà Trần Thị H là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ677078 do UBND huyện X tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 05/05/2011 đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu .

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K được chấp nhận toàn bộ nên bà H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán là 55.830.400đ (năm mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi ngàn, bốn trăm đồng) theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Hoàn lại 30.976.562đ (ba mươi triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001207 ngày 01/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm